

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 496/2023/HS-ST

Ngày: 26/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh

2. Bà Lê Thị Xuân Lang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quang Trung - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 28/9/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 690/2023/HSST ngày 07/9/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 456/2023/QĐXXST-HS ngày 15/9/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Đăng K**, giới tính: nam; sinh ngày 17/7/1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: số H đường Đ, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: không có nơi cư trú nhất định; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; con ông Đỗ Minh T (sinh năm 1956) và bà Đặng Kim C (sinh năm 1961); sống chung với bà Đặng Thị Mai T và có 01 con chung sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: không;

Bắt, tạm giữ: 11/02/2023 (bl.225);

Tạm giữ: 14/02/2023 (bl.237);

Tạm giam: 17/02/2023 (bl.243);

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông **Nguyễn Văn N**; sinh năm 1964; nơi đăng ký thường trú: 207 đường B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Đăng K, Nguyễn Trọng N1 và một người có tên gọi là D (chưa rõ lai lịch) là những người có quen biết với nhau. K biết được rằng D thường mua xe máy có nguồn gốc bất minh, do người khác do người khác phạm tội mà có.

Vào khoảng tháng 7/2016, thông qua mạng xã hội, K mua 01 xe mô-tô Honda Shadow của một người không rõ lai lịch ở khu vực Cửa khẩu L, tỉnh A. Sau đó, K đưa bản photo Giấy chứng minh nhân dân của K cho D, nhờ D làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe mô-tô, xe máy mang số 031695 có thông tin giả như sau: Đỗ Đăng K là người đứng tên đăng ký xe, biển số xe là 59A3-066.88.

Tháng 10/2016, D mang chiếc xe mô-tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh bạc, gắn biển số giả 59E1-688.88 đến quán cà phê của Đỗ Đăng K tại địa chỉ số A đường số C đường T, Phường G, Quận H. Tại đây, sau khi được D cho biết xe mô-tô của D là tài sản trộm cắp mà có, K và D đã thỏa thuận với nhau như sau: Khoa sẽ đổi chiếc xe mô-tô hiệu Honda Airblade (không nhớ biển số và đặc điểm xe) của K để lấy chiếc xe mô-tô của D; K cung cấp bản photo Chứng minh nhân dân của K cho D để D làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe mô-tô, xe máy do K đăng ký đổi chiếc xe Yamaha Exciter. Sau khi làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe mô-tô, xe máy mang tên K, D giao lại cho K. Ngày 16/11/2016, K mang xe mô-tô Yamaha Exciter và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô-tô, xe máy giả (đã đề cập) đến địa chỉ số B đường B, Phường G, Quận H; cầm cố xe cho ông Nguyễn Văn N (chủ tiệm) lấy 50.000.000đ.

Ngày 03/01/2017, K đưa cho Nguyễn Trọng N1 chiếc xe mô-tô Honda Shadow và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô-tô, xe máy giả đứng tên K đối với chiếc xe này để N1 sử dụng. N1 điều khiển xe lưu thông đến khu vực Ngã tư đường N - Hậu Giang, Quận F thì bị Tổ tuần tra Đội 3 - Phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện, lập biên bản kiểm tra hành chính, thu giữ xe và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả đã vừa đề cập. N1 khai rằng K giao xe và giấy đăng ký xe giả cho N1, bảo N1 cầm cố xe cho ông Trần Quang H (chủ tiệm cầm đồ H, địa chỉ số D đường H, Phường A, Quận F) nên N1 bị đưa về Phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra làm rõ (bl.107).

Ngày 03/01/2017, phát hiện bị K lừa đảo nên ông N làm đơn tố cáo K và giao nộp cho cơ quan công an các đồ vật, tài liệu liên quan như sau: 01 xe mô-tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh bạc, gắn biển số giả 59E1-688.88; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô-tô, xe máy số 031695 mang tên Đỗ Đăng K; 01 “Hợp đồng cầm đồ” số 00047 ngày 16/11/2016, ghi tên ông N là đại diện bên nhận cầm đồ và ghi tên K là đại diện bên cầm đồ (bl.115, 128, 250, 301):

Kết quả giám định và xác minh, xác định được như sau: Chiếc xe Honda Shadow thu giữ của N1 có số máy mang ký hiệu NC25E1806638 và số khung mang ký hiệu NC341006647 nhưng không có trong dữ liệu quản lý của Phòng Cảnh sát

giao thông Đường bộ , Đường sắt Công an Thành phố H; biển số mang ký hiệu 59A3-066.88 gắn trên xe là biển số giả (bl.96).

Theo kết quả xác minh thì biển số xe mang ký hiệu 59A3-066.88 là biển số của xe mô-tô Kawasaki Z1000 cấp cho ông Nguyễn Thới H1 (cư trú tại số B, Khu phố D, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh); ông H1 vẫn đang quản lý, sử dụng xe (bl.98).

Căn cứ Kết luận giám định số 234/KLGD-TT ngày 14/02/2017 của Phòng Cảnh sát hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định được: Giấy chứng nhận đăng ký xe mô-tô, xe máy mang tên Đỗ Đăng K đối với chiếc xe Honda Shadow là giả.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra cũng đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp Thành phố định giá chiếc xe Honda Shadow thu giữ. Tuy nhiên, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp Thành phố từ chối định giá với lý do không xác định các thông số của tài sản, nên không đủ cơ sở để tiến hành định giá (bl.34, 35).

Kết quả điều tra xác định được biển số xe mang ký hiệu 59E1-688.88 là biển số giả; biển số thật mang ký hiệu 59E1-688.88 là của xe mô-tô hiệu Honda SH 150i do ông Võ Minh H2 đăng ký sở hữu, hiện ông H2 vẫn đang quản lý, sử dụng (bl.101).

Theo Kết luận giám định số 234/KL-GD-TT ngày 14/02/2017 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô-tô, xe máy” số 031695 mang tên Đỗ Đăng K đối với xe Yamaha Exciter là giả.

Theo kết quả giám định thì mô-tô Yamaha Exciter có số máy là G3D4E-159991, số khung là RLCTJG0610FY-147382; số máy, số khung nguyên thủy, không đổi.

Theo kết quả xác minh thì chiếc xe Yamaha Exciter vừa nêu được cấp biển số thật mang ký hiệu 60B6-351.43, là tài sản của ông Nguyễn Văn Đ (cư trú tại thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Đ), ông Đ bị mất trộm xe vào ngày 02/10/2016 tại xã X, huyện C, tỉnh Đ (bl.23, 93, 155). Do vậy, ngày 09/3/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã lập thủ tục trả lại xe cho ông Đ (bl.43, 44).

Theo Kết luận định giá tài sản số 1983/STC-HĐDGTS-BVG ngày 21/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp Thành phố thì chiếc xe mô-tô Yamaha Exciter mà bị cáo cầm cố cho ông N có trị giá 38.886.000đ (bl.34, 35).

Quá trình điều tra, do K bỏ trốn, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định truy nã (bl.17).

Đối với N1: Ngoài hành vi liên quan đến việc sử dụng giấy chứng nhận đăng ký mô-tô, xe máy giả mang tên Đỗ Đăng K đối với chiếc xe Honda Shadow, N1 còn tham gia vào nhiều vụ án khác. Do vậy, ngày 07/12/2017, N1 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử và tuyên phạt 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và 02

năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt, buộc N1 phải chấp hành hình phạt chung là 09 năm tù; vật chứng trong vụ án cũng đã được xử lý khi xét xử N1 (bản án số 404/2017/HSST)(bl.218-224).

Ngày 11/02/2023, K bị bắt theo Quyết định truy nã (bl.225).

Theo Kết luận giám định số 2602/KL-KTHS ngày 23/3/2023 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định được: Chữ ký, chữ viết họ tên Đỗ Đăng K trên “Hợp đồng cầm đồ” số 00047 ngày 16/11/2016 là chữ ký, chữ viết của Đỗ Đăng K (bl.246).

Về dân sự: Ông N cho biết thấy bị cáo đang gặp khó khăn nên ông N không yêu cầu bị cáo bồi thường (bl.406).

Trong quá trình điều tra, K khai rằng: Khoa chỉ cho N1 mượn chiếc xe Honda Shadow xe để sử dụng; việc N1 khai rằng K bảo N1 mang xe đi cầm cố là không đúng.

Tại bản Cáo trạng số 466/CT-VKS-P2 ngày 31/8/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm e khoản 2 Điều 139, khoản 1 Điều 250 và điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội như sau:

Căn cứ lời khai của bị cáo, kết quả giám định, các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có đủ cơ sở để xác định truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử kết án bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, khoản 1 Điều 250 và điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo từ 04 đến 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, từ 02 đến 03 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, từ 03 đến 04 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là từ 09 đến 12 năm tù. Ghi nhận việc ông N không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Bị cáo bào chữa như sau: Bị cáo không làm giả Giấy chứng nhận đăng ký mô-tô, xe máy nên đề nghị hội đồng xem xét lại việc truy tố bị cáo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Giấy chứng nhận đăng ký xe đối với chiếc xe Honda Shadow là do D tự làm cho bị cáo, D nói rằng D làm cho bị cáo theo dạng xe

hóa giả, bị cáo không biết Giấy chứng nhận đăng ký xe là D đưa cho bị cáo là giả. Bản thân bị cáo bị tổn hại sức khỏe 57% do bị người khác đâm. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2].Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả giám định, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, có căn cứ để xác định:

Trong tháng 10/2016, đối tượng tên D (không rõ lai lịch) có mang chiếc xe mô-tô Yamaha Exciter màu xanh bạc, gắn biển số giả 59E1-688.88 đến quán cà phê tại địa chỉ số A đường số C T, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Quán cà phê này do bị cáo làm chủ. Bị cáo nhận thức được chiếc xe đã nêu có nguồn gốc bất minh, là tài sản do phạm tội mà có. Tuy nhiên, bị cáo vẫn đồng ý đổi chiếc xe mô-tô Honda Airblade mà bị cáo chiếm hữu để lấy chiếc xe mô-tô Yamaha Exciter của D. Để che giấu việc sử dụng bất hợp pháp chiếc xe mô-tô Y đã nêu, bị cáo cung cấp bản photo Giấy chứng minh nhân dân của bị cáo cho D để D làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe mô-tô, xe máy có nội dung chứng nhận bị cáo là người đăng ký chủ sở hữu chiếc xe Yamaha Exciter đã đề cập. Sau một thời gian sử dụng chiếc xe Yamaha Exciter vừa đề cập, đến ngày 16/11/2016, bị cáo mang xe và giấy chứng nhận đăng ký xe giả cầm cố cho ông Nguyễn Văn N với giá 50.000.000đ và chiếm đoạt số tiền này.

Ngoài các hành vi đã nêu, vào khoảng tháng 7/2016, bị cáo còn mua 01 chiếc xe mô-tô Honda Shadow có nguồn gốc không rõ ràng của một người không rõ lai lịch khu vực Cửa khẩu L, tỉnh A. Sau đó, bị cáo thuê D làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe mô-tô, xe máy đứng tên bị cáo đối với chiếc xe này để sử dụng, bị cáo còn đưa cho M chiếc xe vừa nêu và giấy chứng nhận đăng ký xe giả để N1 sử dụng.

[3].Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân, xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng vì động cơ vụ lợi nên vẫn cố ý vi phạm.

[4].Căn cứ vào các nhận định đã nêu, đối chiếu với các quy định của pháp luật, có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Tiêu thụ tài

sản do người khác phạm tội mà có” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm e khoản 2 Điều 139, khoản 1 Điều 250 và điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[5].Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cần áp dụng đối với các bị cáo:

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người bị tổn hại sức khỏe 57%. Do vậy, cần áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, cần xử phạt bị cáo với mức án tù tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm đối với từng tội danh.

Bị cáo phạm nhiều tội. Do vậy, cần áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[6].Về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, trong hồ sơ thể hiện việc người bị hại tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường vì thấy gia đình bị cáo đang gặp khó khăn. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7].Ngoài hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo còn có hành vi sử dụng “Giấy chứng nhận” (có ghi thông tin: Ban liên lạc truyền thống Khối tình báo B58, trực thuộc Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh, chứng nhận Đỗ Đăng K là cán bộ) thế chấp để vay 100.000.000đ của ông Nguyễn Văn N. Giấy chứng nhận đã nêu do Đặng T2 là Trưởng ban ký cấp ngày 02/3/1995. K khai do có tham gia Ban liên lạc truyền thống Khối tình báo B58, nên được cấp thẻ hội viên. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra xác định được Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh từ trước đến nay không ban hành mẫu phôi “Giấy chứng nhận” đã đề cập; Ban liên lạc truyền thống Khối tình báo B58 đã ngừng hoạt động vào năm 2011; ông Đặng T2 là Trưởng ban Ban liên lạc truyền thống Khối tình báo B58 thì đã chết vào ngày 16/6/2019. Ông N thì xác nhận rằng bị cáo đã trả cho ông N 60.000.000đ; ông N không yêu cầu bị cáo trả lại số 40.000.000đ còn lại, không tố cáo K về hành vi này (bl.305, 307, 309, 310, 406). Do vậy, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về hành vi vừa nêu là có căn cứ.

[8].Trong quá trình điều tra, còn xác định được: Bà Đặng Thị Mai T1 (sinh năm 1978, cư trú tại số A đường C, Phường H, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh) là người sống chung với bị cáo đã có hành vi sử dụng giấy tờ giả và xe mô-tô không rõ nguồn gốc cầm cố cho ông Nguyễn Văn N. Hành vi của bà T1 có dấu hiệu phạm tội. Tuy nhiên, bà T1 không còn cư trú tại địa chỉ đã vừa nêu, đi đâu không rõ, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm nhưng chưa truy tìm được (bl.386). Cơ quan điều tra cũng chưa xác định được lai lịch của đối tượng tên D. Do vậy, Cơ quan

điều tra đã ra quyết định tách vụ án đối với T1 và D (bl.383). Khi nào có đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

[9]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ e khoản 2 Điều 139, khoản 1 Điều 250, điểm b khoản 2 Điều 267, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

1. Xử phạt bị cáo **Đỗ Đăng K** 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 01 năm 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và 02 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2023.

2. Ghi nhận theo hồ sơ vụ án việc ông Nguyễn Văn N tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

3. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Dương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Dương sự; (1)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân